

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Số: 847/TĐTB-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Bái, ngày 29 tháng 04 năm 2025.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

**Công
Ty Cổ
Phần
Thủy
Điện
Thác Bà**

Digitally signed by Công
Ty Cổ Phần Thủy Điện
Thác Bà
DN:
OID.0.9.2342.19200300.
100.1.1=MST:
5200240495, CN=Công
Ty Cổ Phần Thủy Điện
Thác Bà, S=Yên Bái,
C=VN
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2025-04-29 16:06:
45
Foxit Reader Version:
10.0.1

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà**
- Mã chứng khoán: **TBC**
- Địa chỉ: **Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.**
- Điện thoại liên hệ: **0216.3884 116 - Fax: 0216.3884 167**
- E-mail: **thacbahpc@thacba.vn**

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 1 năm 2025 đính kèm giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2025 đính kèm giải trình.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/04/2025 tại đường dẫn <http://thacba.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng P5;
- Lưu: VT, TK.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Quyền

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 1 năm 2025 đính kèm giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2025 đính kèm giải trình.

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

To: Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Organization name: **Thac Ba Hydropower Joint Stock Company**
- Stock code: TBC
- Address: Residential group 1, Thac Ba town, Yen Binh district, Yen Bai province.
- Contact phone: 0216.3884 116 - Fax: 0216.3884 167
- E-mail: *thacbahpc@thacba.vn*

2. Content of published information:

- Separate Financial statements for the first quarter of 2025.
- Consolidated financial statements for the first quarter of 2025.

3. This information was announced on the company's website on April 29, 2025 at the link <http://thacba.vn>

We hereby commit that the information published above is true and take full responsibility before the law for the content of the published information./.

-Receiving place:

-As above;

-Department P5;

-Save: VT, TK.

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR



Nguyễn Van Quyen
Nguyễn Van Quyen

Attached documents:

- Separate Financial statements for the first quarter of 2025.
- Consolidated financial statements for the first quarter of 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 846/BC - TĐTB - P5

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1 - NĂM 2025**



Yên Bái, ngày 29 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		225.874.707.648	235.477.045.312
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	86.023.546.010	94.333.448.278
111	1. Tiền		41.738.546.010	21.783.448.278
112	2. Các khoản tương đương tiền		44.285.000.000	72.550.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	20.284.543.500	21.994.543.500
121	1. Chứng khoán kinh doanh		13.694.543.500	13.694.543.500
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.590.000.000	8.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		106.322.222.722	110.056.183.822
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		96.896.015.509	101.411.938.598
132	2. Trả trước cho người bán		7.731.852.875	7.225.361.261
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	4.471.577.988	4.537.073.523
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.777.223.650)	(3.118.189.560)
140	IV. Hàng tồn kho	6	8.145.941.233	5.340.478.768
141	1. Hàng tồn kho		8.145.941.233	5.340.478.768
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.098.454.183	3.752.390.944
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.257.973.916	229.429.205
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	3.459.481.174
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	840.480.267	63.480.565
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.299.996.585.695	1.284.340.123.104
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000.000	10.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		30.000.000.000	10.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		928.381.260.078	833.697.956.723
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	912.917.190.822	818.042.376.668
222	- Nguyên giá		2.719.958.247.342	2.608.043.190.980
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.807.041.056.520)	(1.790.000.814.312)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	15.464.069.256	15.655.580.055
228	- Nguyên giá		23.192.381.858	23.192.381.858
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.728.312.602)	(7.536.801.803)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		102.863.835.246	197.737.934.308
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	102.863.835.246	197.737.934.308
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		159.478.506.319	160.405.700.690
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		98.968.206.319	99.895.400.690
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		60.510.300.000	60.510.300.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		79.272.984.052	82.498.531.383
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.216.130.992	2.322.888.320
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		952.001.538	974.163.276
269	2. Lợi thế thương mại		75.104.851.522	79.201.479.787
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.525.871.293.343	1.519.817.168.416

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Quý 1 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		198.486.237.267	154.979.014.918
310	I. Nợ ngắn hạn		184.488.032.232	141.801.357.392
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		26.425.490.360	27.013.867.172
312	2. Người mua trả tiền trước		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	10.516.920.315	7.468.808.443
314	4. Phải trả người lao động		4.652.699.274	7.463.170.454
315	5. Chi phí phải trả	12	861.999.540	1.323.090.443
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		3.925.574.249	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	104.164.298.260	52.852.813.815
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	30.841.666.666	45.420.833.333
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.099.383.568	258.773.732
330	II. Nợ dài hạn		13.998.205.035	13.177.657.526
336	2. Doanh thu chưa thực hiện		4.739.871.701	3.498.490.859
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	9.258.333.334	9.679.166.667
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.327.385.056.076	1.364.838.153.498
410	1. Vốn chủ sở hữu	15	1.327.385.056.076	1.364.838.153.498
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		302.057.614.951	302.057.614.951
419	9. Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.674.501.710	139.007.922.509
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		61.771.087.699	56.230.378.364
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		28.903.414.011	82.777.544.145
429	12. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		299.652.939.415	288.772.616.038
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.525.871.293.343	1.519.817.168.416

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

Người lập


Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng


Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 29 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

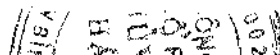
Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024	Lũy kế đến 31/03/2025	Lũy kế đến 31/03/2024
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	101.668.203.224	110.826.187.548	101.668.203.224	110.826.187.548
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.668.203.224	110.826.187.548	101.668.203.224	110.826.187.548
11	4. Giá vốn hàng bán	17	40.483.533.093	38.571.531.411	40.483.533.093	38.571.531.411
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.184.670.131	72.254.656.137	61.184.670.131	72.254.656.137
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	1.281.288.734	2.714.902.114	1.281.288.734	2.714.902.114
22	7. Chi phí tài chính	19	562.893.991	1.688.630.138	562.893.991	1.688.630.138
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		561.641.096	1.688.630.138	561.641.096	1.688.630.138
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(927.194.371)	(294.764.547)	(927.194.371)	(294.764.547)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.618.052.278	14.033.694.353	13.618.052.278	14.033.694.353
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.357.818.225	58.952.469.213	47.357.818.225	58.952.469.213
31	12. Thu nhập khác	20	131.251.600	141.331.600	131.251.600	141.331.600
32	13 Chi phí khác	21	615.005.484	115.001.717	615.005.484	115.001.717
40	14 Lợi nhuận khác		(483.753.884)	26.329.883	(483.753.884)	26.329.883



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024	Lũy kế đến 31/03/2025	Lũy kế đến 31/03/2024
			VND	VND	VND	VND
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.874.064.341	58.978.799.096	46.874.064.341	58.978.799.096
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		6.847.400.025	8.683.663.617	6.847.400.025	8.683.663.617
52	17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		22.161.738	23.114.931	22.161.738	23.114.931
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>40.004.502.578</u>	<u>50.272.020.548</u>	<u>40.004.502.578</u>	<u>50.272.020.548</u>
	19 Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ		28.903.414.011	39.160.967.908	28.903.414.011	39.160.967.908
	20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.101.088.567	11.111.052.640	11.101.088.567	11.111.052.640
70	21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		455	617	455	617
71	22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu		455	617	455	617

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 29 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2025	31/03/2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		46.874.064.341	58.978.799.096
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		21.321.387.108	21.005.930.797
03	- Các khoản dự phòng		(340.965.910)	(702.980.720)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(870.658.037)	(2.714.902.114)
06	- Chi phí lãi vay		561.641.096	1.688.630.138
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		67.545.468.598	78.255.477.197
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		10.123.592.234	11.787.728.899
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.805.462.465)	(1.213.747.316)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.668.174.825	(5.683.833.576)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.638.400.663)	393.401.369
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(830.231.998)	(1.973.424.658)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.472.247.245)	(1.775.562.190)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.759.390.164)	(853.694.164)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		76.831.503.122	78.936.345.561
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(18.317.349.856)	(517.667.950)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.590.000.000)	(12.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.772.805.629)	(13.913.725.453)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		919.652.995	1.958.893.346
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(34.760.502.490)	(24.472.500.057)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phần của đơn vị thành viên		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2025	31/03/2024
			VND	VND
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.380.902.900)	(63.486.100.001)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(50.380.902.900)	(78.486.100.001)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.309.902.268)	(24.022.254.497)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		94.333.448.278	128.305.931.825
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		86.023.546.010	104.283.677.328

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 23 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 635,000,000,000 đồng; tương đương 63,500,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp một công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

- * Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung Tâm dịch vụ kỹ thuật
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
- * Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (Công ty con)
Địa chỉ: Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- * Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (Công ty liên kết)
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

1.6 . Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31/03/2025 Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty có một công ty con và một công ty liên kết với thông tin Chi tiết như sau:

- Công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

- Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

Tên công ty	Cam kết góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49%	49%	Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	Đầu tư Dự án Thủy điện Thác Bà 2

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường nhóm công ty được coi là ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% đến dưới 50% quyền bỏ phiếu ở công ty nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của nhóm công ty trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với nhóm công ty trong trường hợp cần thiết.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.7 . Hàng tồn kho

4048
CÔNG TY
HẠN
DIỆN
THÁC
BÀ
YÊN BÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.9 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được Công ty và Công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

2.13 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

2.14 . Các khoản thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

2.15 . Thông tin theo bộ phận

Đặc thù của Nhóm Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300526931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 09 năm 2020. Công ty này có trụ sở chính tại thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện năng. Công ty mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh điện năng của Công ty.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	558.952.020	164.676.674
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.179.593.990	21.618.771.604
Các khoản tương đương tiền (*)	44.285.000.000	72.550.000.000
	86.023.546.010	94.333.448.278

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VNĐ đến ngày 31/03/2025 tại ngân hàng có kỳ hạn dưới 1 tháng đến dưới 3 tháng và hưởng lãi suất là 0,5%/năm đến 4,6%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

		31/03/2025		01/01/2025	
a	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Ngắn hạn				
-	Tiền gửi có kỳ hạn (**)	6.590.000.000	6.590.000.000	8.300.000.000	8.300.000.000
-	Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
		6.590.000.000	6.590.000.000	8.300.000.000	8.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

(**) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 94 ngày và hưởng lãi suất tương ứng 4,6%/năm.

b	Chứng khoán kinh doanh	31/03/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
-	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	13.694.543.500	16.121.600.000	13.694.543.500	16.247.550.000

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 được xác định bằng thị giá của cổ phiếu vào thời điểm đóng cửa phiên giao dịch chứng khoán tại ngày cuối có giao dịch trong tháng 03 năm 2025, với giá trị là 12.800 VND/cổ phiếu.

c	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/03/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (***)	48.550.000.000	-	48.550.000.000	-
-	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (****)	11.960.300.000	14.080.000.000	11.960.300.000	14.190.000.000
		60.510.300.000	14.080.000.000	60.510.300.000	14.190.000.000

(***) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán

(****) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 1.100.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 03 năm 2025 là 12.800 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2024: 12.900 VND/cổ phiếu).

d Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VNĐ

Công ty Cổ phần đầu tư Thủy điện Thác Bà 2

Giá trị đầu tư	103.861.380.000
Số 01/01/2025	-
- Tăng trong năm	103.861.380.000
Lũy kế đến 31/03/2025	
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết	(3.965.979.310)
Số 01/01/2025	(927.194.371)
- Phần lỗ từ công ty liên kết	(4.893.173.681)
Lũy kế đến 31/03/2025	
Giá trị còn lại	99.895.400.690
Số 01/01/2025	98.968.206.319
Lũy kế đến 31/03/2025	-

5 PHẢI THU KHÁC

a	Ngắn hạn	31/03/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	17.018.090.100		707.850.000	
	Phải thu về lãi tiền gửi	120.096.548	-	216.372.820	-
	Phải thu người lao động	243.872.690	-	153.732.413	-
	Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	510.000.000	-
	Phải thu khác	3.389.758.750	-	2.949.118.290	-
		<u>20.781.818.088</u>		<u>4.537.073.523</u>	
b	Dài hạn	<u>16.310.240.100</u>			

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.235.806.776		4.693.646.390	
Công cụ, dụng cụ	463.149.773		446.507.608	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.446.984.684		200.324.770	
	8.145.941.233		5.340.478.768	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	840.480.267	63.480.565
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	840.480.267	63.480.565

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

200
CỘNG
CỔ
HỮU
HÀ
YÊN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	1.354.144.566.166	1.208.127.047.961	34.508.424.663	10.312.598.690	950.553.500	2.608.043.190.980
Mua sắm	-	2.333.333.333	-	45.172.727	-	2.378.506.060
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	109.536.550.302	-	-	-	109.536.550.302
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	1.354.144.566.166	1.319.996.931.596	34.508.424.663	10.357.771.417	950.553.500	2.719.958.247.342
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	700.479.690.764	1.060.730.382.109	21.117.822.819	6.727.939.821	944.978.799	1.790.000.814.312
Trích khấu hao	10.149.961.410,00	6.181.679.950,00	530.529.180,00	169.772.036,00	1.305.468,00	17.033.248.044
Tặng khác	6.994.164	-	-	-	-	6.994.164
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	710.636.646.338	1.066.912.062.059	21.648.351.999	6.897.711.857	946.284.267	1.807.041.056.520
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	653.664.875.402	147.396.665.852	13.390.601.844	3.584.658.869	5.574.701	818.042.376.668
Tại ngày 31/03/2025	643.507.919.828	253.084.869.537	12.860.072.664	3.460.059.560	4.269.233	912.917.190.822

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	20.558.322.400	2.634.059.458	23.192.381.858
Mua sắm	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	<u>20.558.322.400</u>	<u>2.634.059.458</u>	<u>23.192.381.858</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	5.982.954.190	1.553.847.613	7.536.801.803
Trích khấu hao	102.788.304	88.722.495	191.510.799
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	<u>6.085.742.494</u>	<u>1.642.570.108</u>	<u>7.728.312.602</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	14.575.368.210	1.080.211.845	15.655.580.055
Tại ngày 31/03/2025	<u>14.472.579.906</u>	<u>991.489.350</u>	<u>15.464.069.256</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà	94.918.409.963	189.822.509.025
Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà	240.741.741	240.741.741
Dự án thay mới hệ thống rơ le bảo vệ đường dây 110 kV-NMTĐTB	3.081.638.000	3.081.638.000
Dự án thay mới máy nén khí cao áp N1, N2 - NMTĐTB	2.691.000.000	2.691.000.000
Mường hum mở rộng	1.847.050.542	1.847.050.542
Khác	84.995.000	54.995.000
	<u>102.863.835.246</u>	<u>197.737.934.308</u>

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/03/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia	593.630.553	4.075.529.688	2.832.289.502	1.836.870.739
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.872.247.245	6.847.400.025	4.472.247.245	6.247.400.025
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	415.860.769	5.662.591.486	5.649.959.000	428.493.255
Thuế Tài nguyên	1.909.372.157	10.053.505.273	10.069.266.663	1.893.610.767
Thuế Thu nhập cá nhân	677.697.719	1.044.089.123	1.611.241.313	110.545.529
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
	<u>7.468.808.443</u>	<u>27.690.115.595</u>	<u>24.642.003.723</u>	<u>10.516.920.315</u>

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**a Ngắn hạn**

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	415.266.208	683.857.110
Chi phí phải trả khác	446.733.332	639.233.333
	<u>861.999.540</u>	<u>1.323.090.443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

c Lợi thế thương mại

Đơn vị tính: VND

Công Ty Cổ Phần Thủy điện Mường Hum

Nguyên giá:	
Tại ngày 31/12/2024	163.865.130.597
- Tăng trong năm	-
Lũy kế đến 31/03/2025	163.865.130.597
Phân bổ lũy kế:	
Tại ngày 31/12/2024	84.663.650.810
- Phân bổ trong kỳ	4.096.628.265
Lũy kế đến 31/03/2025	88.760.279.075
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/12/2024	79.201.479.787
Lũy kế đến 31/03/2025	75.104.851.522

13 PHẢI TRẢ KHÁC**a Ngắn hạn**

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH	-	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	88.244.337.622	47.669.670.649
Phí dịch vụ Môi Trường Rừng	3.468.206.568	4.726.927.332
Phải trả, phải nộp khác	12.451.754.070	456.215.834
	104.164.298.260	52.852.813.815

14 VAY

	Ngày 01/01/2025	Số phát sinh trong kỳ		Ngày 31/03/2025
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	45.420.833.333	420.833.333	15.000.000.000	30.841.666.666
Vay dài hạn				
Vay dài hạn ngân hàng	9.679.166.667	-	420.833.333	9.258.333.334
Ngân hàng	Ngày 31/03/2025	Kỳ hạn trả gốc lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Shinhanbank				
SHBVN/CM C/212022/HD TD/MHP	30.000.000.000	Gốc và lãi vay trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 10 tháng 08 năm 2025	6,38%	Công trình nhà máy TDMH và 1 số tài sản khác
SHBVN/CM C/032023/HD TD/THACBA-MAC	10.100.000.000	Gốc và lãi vay trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 06 tháng 09 năm 2031	6,18%	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án
Tổng	40.100.000.000			

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	635.000.000.000	-	302.057.614.951	288.772.616.038	139.007.922.509	1.364.838.153.498
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	11.101.088.567	28.903.414.011	40.004.502.578
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	(220.765.190)	(4.829.234.810)	(5.050.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(72.407.600.000)	(72.407.600.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	635.000.000.000,00	-	302.057.614.951,00	299.652.939.415	90.674.501.710	1.327.385.056.076

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

b) Các quỹ công ty

Quỹ đầu tư phát triển

31/03/2025	01/01/2025
302.057.614.951	302.057.614.951
302.057.614.951	302.057.614.951

16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán điện thương phẩm
 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Quý 1 năm 2025	Lũy kế đến 31/03/2025
VND	VND
99.528.580.602	99.528.580.602
2.139.622.622	2.139.622.622
101.668.203.224	101.668.203.224

17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của điện thương phẩm đã bán
 Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
 Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Quý 1 năm 2025	Lũy kế đến 31/03/2025
VND	VND
39.481.180.391	39.481.180.391
1.002.352.702	1.002.352.702
-	-
40.483.533.093	40.483.533.093

18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn
 Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm
 Doanh thu hoạt động tài chính khác
 Cổ tức, lợi nhuận được chia

Quý 1 năm 2025	Lũy kế đến 31/03/2025
VND	VND
410.630.697	410.630.697
-	-
870.658.037	870.658.037
-	-
1.281.288.734	1.281.288.734

19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay
 Chi phí tài chính khác

Quý 1 năm 2025	Lũy kế đến 31/03/2025
VND	VND
561.641.096	561.641.096
1.252.895	1.252.895
562.893.991	562.893.991

20 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
 Chi phí nhân công
 Chi phí khấu hao
 Chi phí dịch vụ mua ngoài
 Chi phí khác

Quý 1 năm 2025	Lũy kế đến 31/03/2025
VND	VND
476.937.049	476.937.049
10.266.036.123	10.266.036.123
21.321.387.108	21.321.387.108
2.993.372.342	2.993.372.342
20.290.512.663	20.290.512.663
55.348.245.285	55.348.245.285

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1 năm 2025	Lũy kế đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	261.894.688	261.894.688
Chi phí nhân công	4.157.862.420	4.157.862.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	397.715.651	397.715.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.621.846.072	1.621.846.072
Chi phí khác bằng tiền	7.178.733.447	7.178.733.447
	13.618.052.278	13.618.052.278

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý 1 năm 2025	Lũy kế đến 31/03/2025
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.847.400.025	6.847.400.025
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại (i)	22.161.738	22.161.738
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.869.561.763	6.869.561.763

(i) Thuế thu nhập hoãn lại: Công ty đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả HĐKD	
	31/03/2025	01/01/2025	31/03/2025	31/03/2024
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	952.001.538	974.163.276	22.161.738	23.114.931

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu bán điện	Công ty mẹ của cổ đông lớn	60.423.112.413	68.774.946.279
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán	Công ty mẹ	- 19.182.584.000	- 38.365.168.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán	Cổ đông lớn	- 9.525.000.000	- 19.050.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu khác Góp vốn Doanh thu tài chính Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết	3.359.345.455 60.000.000 - 410.630.697 -	54.545.455 60.000.000 19.208.490.000 - -
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	Doanh thu tài chính Thu gốc vay	Công ty trong cùng tập đoàn	- -	14.795.032 5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	Doanh thu bán điện	Cùng công ty mẹ với cổ đông lớn	39.285.468.189	41.025.421.541
--------------------------------------	-----------------------	---------------------------------------	----------------	----------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	Mối quan hệ	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		95.464.863.577	82.920.605.027
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	69.751.311.225	66.080.163.702
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	-	-
Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	Cùng công ty mẹ với cổ đông lớn	14.541.420.293	16.840.441.325
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	11.172.132.059	15.479.964.779
Phải trả ngắn hạn khác		15.707.556.900	44.415.140.900
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	15.707.556.900	34.890.140.900
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	-	9.525.000.000
Người mua trả tiền trước			
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	283.090.950	283.090.950
Phải thu ngắn hạn khác			
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	451.693.767	380.997.639
Phải thu về cho vay		30.000.000.000	10.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	30.000.000.000	10.000.000.000
Trong đó:			
- Cho vay ngắn hạn		-	-
- Cho vay dài hạn		30.000.000.000	

25 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 1/2025 với Quý 1/2024 tại BCTC hợp nhất
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2025 đạt 40.004.502.578 đồng
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2024 đạt 50.272.020.548 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2025 so với Quý 1/2024 của Báo cáo tài chính hợp nhất giảm 10.267.517.970 đồng là do các nguyên nhân sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2025 so với Quý 1/2024 trên Báo cáo tài chính riêng Công ty giảm 9.296.778.487 đồng (giảm 29%) là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 1/2025 so với cùng kỳ năm 2024 giảm 7.548.271.970 đồng (giảm 10%) đồng là do:

(i) Doanh thu hoạt động điện giảm 2.775.201.978 đồng (giảm 4%) so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân do giá bán điện bình quân Quý 1/2025 (754đồng/kWh) giảm 184,4 đồng/kWh so với Quý 1/2024 (939 đồng/kWh).

(ii) Doanh thu hoạt động dịch vụ kỹ thuật giảm 3.023.476.994 đồng (giảm 45%) so với cùng kỳ năm 2024 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật được nghiệm thu trong Quý 1/2025 nhỏ hơn so với cùng kỳ năm 2024.

(iii) Doanh thu Hoạt động tài chính giảm 1.739.512.998 đồng (giảm 44%) so với cùng kỳ năm 2024 do trong Quý 1/2025 không phát sinh doanh thu từ cổ tức so với cùng kỳ Quý 1/2024. Quý 1/2024 phát sinh doanh thu từ cổ tức là 1,95 tỷ đồng (TAH 1,5% VDL+HND 5,52%); lãi tiền gửi và cho vay trong Quý 1/2025 giảm 0,19 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 1/2024 do số dư nợ gốc và số dư tiền gửi giảm; trong Quý 1/2025 phát sinh doanh thu từ Phí bảo lãnh là 0,41 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 1/2024.

(iv) Doanh thu khác Quý 1/2025 giảm 10.080.000 đồng (giảm 5%) so với cùng kỳ năm 2024.

- Tổng chi phí Quý 1/2025 so với cùng kỳ năm 2024 tăng 3.583.701.139 đồng (tăng 10%) so với cùng kỳ năm 2024 chủ yếu do chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 1/2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024 (do sản lượng Quý 1/2025 tăng 6,6 triệu kwh so với cùng kỳ năm 2024).

- Thuế TNDN Quý 1/2025 so với cùng kỳ năm 2024 giảm 1.835.194.622 đồng so với cùng kỳ năm 2024. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 1/2025 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Thuế TNDN trong Quý 1/2025 giảm là do thu nhập tính thuế TNDN theo quy định trong Quý 1/2025 giảm so cùng kỳ năm 2024.

2. Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2025 so với cùng kỳ năm 2024 của Báo cáo tài chính hợp nhất ảnh hưởng bởi doanh thu, chi phí, Thuế TNDN, Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 1/2025 của Công ty con vào Nhóm công ty, như sau:

- Tổng doanh thu Quý 1/2025 của Công ty con so với cùng kỳ năm 2024 giảm 1,8 tỷ đồng (giảm 4,5%) .

Nguyên nhân là do Quý 1/2025, tình hình thủy văn không thuận lợi so với Quý 1/2024, sản lượng điện thương phẩm giảm so với cùng kỳ năm 2024 là 2,35 triệu kWh. Theo đó, doanh thu điện Quý 1/2025 giảm 1,7 tỷ đồng (giảm 4%) so với cùng kỳ năm 2024. Doanh thu tài chính giảm 97 triệu đồng do vốn lưu động bình quân tháng trong Quý 1/2025 thấp hơn cùng kỳ năm 2024 dẫn đến lãi tiền gửi có kỳ hạn Quý 1/2025 và lãi tiền cho vay giảm so với cùng kỳ năm 2024.

- Tổng chi phí Quý 1/2025 của Công ty con so với cùng kỳ năm 2024 giảm 1,8 tỷ đồng (giảm 10,5%) so với cùng kỳ năm 2024 do giảm sản lượng điện dẫn đến giảm thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng và giảm một số chi phí thường xuyên khác.

- Thuế TNDN Quý 1/2025 so với cùng kỳ năm 2024 giảm 1 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2024. Thuế TNDN trong Quý 1/2025 giảm là do Lợi nhuận trước thuế TNDN giảm so với cùng kỳ Quý 1/2024.

- Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2025 so với cùng kỳ năm 2024 giảm 20 triệu đồng (giảm 0,1%) do biến động các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, thuế TNDN đã giải trình bên trên.

4049
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
THÁC BÀ
YÊN BÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2025



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 29 tháng 04 năm 2025

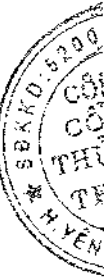


THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

No: 846/BC - TĐTB - P5

**CONSOLIDATED FINANCIAL
STATEMENTS
QUARTER 1 OF 2025**

Yen Bai, 29 April 2025



STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
As at 31 March 2025

Cod e	ASSETS	Note	31 March 2025 VND	01 January 2025 VND
100	A. SHORT-TERM ASSETS		242.184.947.748	235.477.045.312
110	I. Cash and cash equivalents	4	86.023.546.010	94.333.448.278
111	1. Cash		41.738.546.010	21.783.448.278
112	2. Cash equivalents		44.285.000.000	72.550.000.000
120	II. Short-term investments	5	20.284.543.500	21.994.543.500
121	1. Trading securities		13.694.543.500	13.694.543.500
123	1. Short-term investments		6.590.000.000	8.300.000.000
130	III. Short-term accounts receivable		122.632.462.822	110.056.183.822
131	1. Trade receivables		96.896.015.509	101.411.938.598
132	2. Advances to suppliers		7.731.852.875	7.225.361.261
135	3. Receivables short-term loans		-	-
136	4. Other receivables	5	20.781.818.088	4.537.073.523
139	5. Provisions for short-term bad debts		(2.777.223.650)	(3.118.189.560)
140	IV. Inventories	6	8.145.941.233	5.340.478.768
141	1. Inventories		8.145.941.233	5.340.478.768
150	V. Other current assets		5.098.454.183	3.752.390.944
151	1. Short-term prepaid expenses		4.257.973.916	229.429.205
152	2. VAT deductibles		-	3.459.481.174
153	3. Taxes and other receivables from the State	7	840.480.267	63.480.565
200	B. NON- CURRENT ASSETS		1.299.996.585.695	1.284.340.123.104
210	I. Long-term receivables		30.000.000.000	10.000.000.000
215	1. Long-term loan receivable		30.000.000.000	10.000.000.000
220	II. Fixed assets		928.381.260.078	833.697.956.723
221	1. Fixed assets	8	912.917.190.822	818.042.376.668
222	- Cost		2.719.958.247.342	2.608.043.190.980
223	- Accumulated depreciation		(1.807.041.056.520)	(1.790.000.814.312)
227	2. Intangible fixed assets	9	15.464.069.256	15.655.580.055
228	- Cost		23.192.381.858	23.192.381.858
229	- Accumulated amortization		(7.728.312.602)	(7.536.801.803)
240	IV. Long-term-financial investments		102.863.835.246	197.737.934.308
242	1. Construction in progress	10	102.863.835.246	197.737.934.308
250	V. Long-term investments		159.478.506.319	160.405.700.690
252	1. Investments in joint-ventures, associates		98.968.206.319	99.895.400.690
253	2. Investments in Other Companies		60.510.300.000	60.510.300.000
260	VI. Other long-term assets		79.272.984.052	82.498.531.383
261	1. Long-term prepaid expenses		3.216.130.992	2.322.888.320
262	2. Deferred tax assets		952.001.538	974.163.276
269	2. Commercial advantage		75.104.851.522	79.201.479.787
270	TOTAL ASSETS		1.542.181.533.443	1.519.817.168.416

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 March 2025

(continue)

Code	RESOURCES	Note	31 March 2025 VND	01 January 2025 VND
300	A. LIABILITIES		214.796.477.367	154.979.014.918
310	I. Current liabilities		200.798.272.332	141.801.357.392
311	1. Trade payables		26.425.490.360	27.013.867.172
312	2. Advances from customers		-	-
313	3. Tax payables and statutory obligations	11	10.516.920.315	7.468.808.443
314	4. Payables to employees		4.652.699.274	7.463.170.454
315	5. Accrued expenses	12	861.999.540	1.323.090.443
318	8. Unrealized revenues		3.925.574.249	-
319	6. Other payables	13	120.474.538.360	52.852.813.815
320	7. Provision for short-term payables	14	30.841.666.666	45.420.833.333
322	8. Bonus and welfare fund		3.099.383.568	258.773.732
324	9. Transactions to buy and sell Government bonds		-	-
330	II. Long-term liabilities		13.998.205.035	13.177.657.526
336	2. Unrealized revenues		4.739.871.701	3.498.490.859
338	3. Long-term loans and debts	14	9.258.333.334	9.679.166.667
400	B. OWNER'S EQUITY		1.327.385.056.076	1.364.838.153.498
410	I. Equity	15	1.327.385.056.076	1.364.838.153.498
411	1. Contributed legal capital		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Ordinary stock with voting right		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Preferred stock capital		-	-
412	2. Share capital surplus		-	-
413	3. The Right to convert the Convertible Bonds to shares		-	-
414	4. Other equity's resources		-	-
415	5. Treasury stocks		-	-
416	6. Asset revaluation differences		-	-
417	7. Foreign exchange differences		-	-
418	8. Investment and development fund		302.057.614.951	302.057.614.951
419	9. Support business organizations fund		-	-
420	10. Other funds belonging to owners' equity		-	-
421	11. Undistributed earnings		90.674.501.710	139.007.922.509
421a	- Accumulated Undistributed Profit by The End of The Previous Period		61.771.087.699	56.230.378.364
421b	- Undistributed Profit of the Current Period		28.903.414.011	82.777.544.145
429	12. Non-controlling shareholder interests		299.652.939.415	288.772.616.038
440	TOTAL RESOURCES		1.542.181.533.443	1.519.817.168.416

Preparer


Nguyen Trung Hieu

Chief Accountant


Le Hong Minh

Yen Bai, 29 April 2025
General Director




Nguyen Van Quyen



THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANYResidential Group 1, Thac Ba Town, Yen Binh District, Yen Bai
Province

Tel: (84-0216) 3 884 116

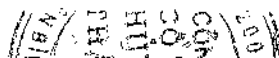
Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 1 of 2025

STATEMENT OF COMPREHENSIVE INCOME*Quarter 1 of 2025*

Co de	ITEM	Note	Quarter 1 of 2025	Quarter 1 of 2024	Accumulated until 31 March 2025	Accumulated until 31 March 2024
			VND	VND	VND	VND
01	1. Revenue from sale of goods and rendering of serv	16	101.668.203.224	110.826.187.548	101.668.203.224	110.826.187.548
02	2. Deductible items		-	-	-	-
10	3. Net revenue from sale of goods and rendering of services		101.668.203.224	110.826.187.548	101.668.203.224	110.826.187.548
11	4. Cost of goods sold	17	40.483.533.093	38.571.531.411	40.483.533.093	38.571.531.411
20	5. Gross profit from sale of goods and rendering of services		61.184.670.131	72.254.656.137	61.184.670.131	72.254.656.137
21	6. Revenue from financial activities	18	1.281.288.734	2.714.902.114	1.281.288.734	2.714.902.114
22	7. Financial expenses	19	562.893.991	1.688.630.138	562.893.991	1.688.630.138
23	<i>In which: Interest expenses</i>		561.641.096	1.688.630.138	561.641.096	1.688.630.138
24	8. Gains/losses in		(927.194.371)	(294.764.547)	(927.194.371)	(294.764.547)
25	9. Selling expenses		-	-	-	-
26	10. General administrative expenses		13.618.052.278	14.033.694.353	13.618.052.278	14.033.694.353
30	11. Net profit from operating activities		47.357.818.225	58.952.469.213	47.357.818.225	58.952.469.213
31	12. Other income	20	131.251.600	141.331.600	131.251.600	141.331.600
32	13 Other expense	21	615.005.484	115.001.717	615.005.484	115.001.717
40	14 Other profit (loss)		(483.753.884)	26.329.883	(483.753.884)	26.329.883



THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Residential Group 1, Thac Ba Town, Yen Binh District, Yen Bai
Province

Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 1 of 2025

STATEMENT OF COMPREHENSIVE INCOME

Quarter 1 of 2025

Co de	ITEM	Note	Quarter 1 of 2025 VND	Quarter 1 of 2024 VND	Accumulated until 31 March 2025 VND	Accumulated until 31 March 2024 VND
50	15 Total profit before tax		46.874.064.341	58.978.799.096	46.874.064.341	58.978.799.096
51	16 Current business income tax expenses		6.847.400.025	8.683.663.617	6.847.400.025	8.683.663.617
52	17 Deferred business income tax expenses		22.161.738	23.114.931	22.161.738	23.114.931
60	18 Profit after tax		<u>40.004.502.578</u>	<u>50.272.020.548</u>	<u>40.004.502.578</u>	<u>50.272.020.548</u>
	19 Profit after tax of the parent company		28.903.414.011	39.160.967.908	28.903.414.011	39.160.967.908
	20 Profit after tax of non-controlling shareholders		11.101.088.567	11.111.052.640	11.101.088.567	11.111.052.640
70	21 Basic earnings per share (*)		455	617	455	617
71	22 Diluted earnings per share		455	617	455	617

Preparer


Nguyen Trung Hieu

Chief Accountant


Le Hong Minh

General Director


Yen Bai, 29 April 2025
Nguyen Van Quyen

STATEMENT OF CASH FLOWS

Quarter 1 of 2025
(Under indirect method)

Co de	ITEM	Note	31 March 2025 VND	31 March 2024 VND
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax		46.874.064.341	58.978.799.096
	2. Adjustments for			
02	- Depreciation and amortisation		21.321.387.108	21.005.930.797
03	- Provisions		(340.965.910)	(702.980.720)
04	- Gains/losses from unrealized foreign exchange		-	-
05	- Gains/losses from investing activities		(870.658.037)	(2.714.902.114)
06	- Interest expenses		561.641.096	1.688.630.138
07	- Other account adjustments		-	-
08	3. Profit from operating activities before changes in working capital		67.545.468.598	78.255.477.197
09	- Increase/Decrease in receivables		10.123.592.234	11.787.728.899
10	- Increase/Decrease in inventory		(2.805.462.465)	(1.213.747.316)
11	- Increase/Decrease in payables (excluding interest payables, enterprise income tax payables)		12.668.174.825	(5.683.833.576)
12	- Increase/Decrease in prepaid expenses		(3.638.400.663)	393.401.369
13	- Increase and decrease in trading securities		-	-
14	- Interest expenses paid		(830.231.998)	(1.973.424.658)
15	- Corporate income tax paid		(4.472.247.245)	(1.775.562.190)
16	- Other receipts from operating activities		-	-
17	- Other expenses on operating activities		(1.759.390.164)	(853.694.164)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		76.831.503.122	78.936.345.561
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	1. Purchase of fixed assets and other long-term assets		(18.317.349.856)	(517.667.950)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		-	-
23	3. Loans to other entities and purchase of debt instruments of other entities		(6.590.000.000)	(12.000.000.000)
24	4. Repayment from borrowers and proceeds from		(10.772.805.629)	(13.913.725.453)
25	5. Investments in other entities		-	-
26	6. Investment returns from other entities		-	-
27	7. Interest, dividends and profit received		919.652.995	1.958.893.346
30	Net cash flows from investing activities		(34.760.502.490)	(24.472.500.057)
	III CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
32	2. Fund returned to equity owners, issued stock		-	-
33	3. Long-term and short-term borrowings received		-	-
34	4. Loan repayment		(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
35	5. Finance lease principle paid		-	-
36	6. Dividends, profit paid to equity owners		(35.380.902.900)	(63.486.100.001)

STATEMENT OF CASH FLOWS

Quarter 1 of 2025
(Under indirect method)

Co de	ITEM	Note	31 March 2025 VND	31 March 2024 VND
40	Net cash flows from financing activities		(50.380.902.900)	(78.486.100.001)
50	Net decrease/increase in cash and cash equivalents		(8.309.902.268)	(24.022.254.497)
60	Cash and cash equivalents at beginning of the year		94.333.448.278	128.305.931.825
61	Impact of foreign exchange fluctuation		-	
70	Cash and cash equivalents at end of year		<u>86.023.546.010</u>	<u>104.283.677.328</u>



Nguyen Trung Hieu
Preparer



Le Hong Minh
Chief Accountant




Nguyen Van Quyen
General Director

Yen Bai, 29 April 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

Quarter 1 of 2025

1 . BACKGROUND

1.1 . Forms of Ownership

Thac Ba Hydropower Joint Stock Company ("the Company") is a joint stock company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate No. 5200240495 issued by the Yen Bai Department of Planning and Investment on 31 March 2006. The Company subsequently received amended Enterprise Registration Certificates, with 8th amendment dated 1 June 2023 as the latest.

The Company's head office (including its headquarter and an independently accounting branch, the Technical Services Center) is located at Residential Group 1, Thac Ba Town, Yen Binh District, Yen Bai Province.

Company's Legal capital: VND 635,000,000,000. Equivalent to 63,500,000 shares with the price of VND 10,000 per share.

1.2 . Business field

The company's business field is electric energy

1.3 . Business industry

The Company's business activities include:

- Production and trading of electricity;
- Management, operation, repair, maintenance, overhaul, renovation of hydraulic works, architectural works, equipment of hydroelectric plants and transformer stations, testing and adjustment of electrical equipment ;
- Buying, selling, importing and exporting materials and equipment;
- Consulting on construction investment projects, construction investment management, consulting on construction and installation supervision of electrical projects;
- Investing in power source and grid projects;
- Fostering and training on management, operation, maintenance and repair of power plant equipment;
- Trading in transportation and tourism services.

1.4 . Normal production and business cycle

The company's normal production and business cycle is 12 months starting on January 1 and ending on December 31 every year.

1.5 . Operations of the company in the fiscal year affecting the financial statements

1.6 . Enterprise structure

The company has an independent accounting branch:

- Branch of Thac Ba Hydropower Joint Stock Company - Technical Service Center
- Address: Residential group 1, Thac Ba town, Yen Binh district, Yen Bai province

The company directly owns 1 subsidiary with specific information as follows:

- Muong Hum Hydropower Joint Stock Company
- Address: Ban Xeo 1 village, Ban Xeo commune, Bat Xat district, Lao Cai province, Vietnam
- Ownership rate: 50.94%
- Main activities: Production and trading of electricity

2 . ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1 . Accounting period and accounting monetary unit

Annual accounting period commences from 1st January and ends as at 31st December.
The Company maintains its accounting records in VND.

2.2 . Accounting Standards and Accounting system

Accounting System

The company is applying the corporate accounting regime issued according to Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance.

Announcement on compliance with Vietnamese standards and accounting system

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplement documents issued by the State. Financial statements are prepared in accordance with regulations of each standard and supplement documents as well as with current accounting system.

Form of accounting record

The Company is applying accounting record by computer

Applied accounting documentation system

The Company and its subsidiary's applied accounting documentation system is the General Journal.

2.3 . Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

2.4 . Principles of accounting for financial investments

a Trading securities

b Investments held until maturity

Held-to-maturity financial investments include term deposits, bonds, commercial papers and other debt securities. If the remaining term is not more than 12 months from the reporting date, it is classified as a short-term asset. In case the remaining term is over 12 months from the reporting date, it is classified as long-term assets.

c Loans

d Invest in subsidiaries; joint venture and affiliated companies

Investments in subsidiaries over which the Company holds control are presented using the cost method. Profit distributions that the parent company receives from the accumulated profits of its subsidiaries after the date the parent company takes control are recorded in the parent company's operating results for the period. Other distributions are considered returns of investments and are subtracted from the investment value.

Investments in associates in which the Company has significant influence are presented using the cost method. Profit distributions from accumulated net profits of affiliated companies after the investment date are allocated to the Company's business results for the period. Other distributions are considered returns of investments and are subtracted from the investment value.

Investments in joint ventures are accounted for using the cost method. Joint venture capital contributions are not adjusted for changes in the company's share of the joint venture's net assets. The Company's Business Performance Report reflects the income divided from the accumulated net profit of the Joint Venture Company arising after contributing capital to the joint venture.

d Invest in equity instruments of other entities

e Accounting methods for other transactions related to financial investments

2.5 . Receivables

Receivables is presented on the Financial statements according to book value of trade receivable and other receivables after deducting provision for bad receivable debts.

The provision for bad receivable debts is made for each bad receivable debt based on overdue period of debts or possible loss.

2.6 . Inventories

Inventories are stated at original cost. Where the net realizable value is lower than cost, inventories should be measured at the net realizable value. The costs of inventories comprise the purchase price, costs of conversion and other costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

The cost of inventory at the year-end is calculated by weighted average method.

Inventory is recorded by periodic method.

Provisions for devaluation of inventories made at the end of the period are the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.7 . Fixed assets and depreciation of fixed assets

Finance leased fixed assets are recorded at cost according to fair value or the present value of the minimum lease payment (excluding VAT) and initial direct costs incurred in connection with the lease. fixed assets under financial lease. During use, finance leased fixed assets are recorded at cost, accumulated depreciation and residual value.

Fixed assets (tangible and intangible) are stated at the historical cost. During the using time, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at cost, accumulated depreciation and net book value.

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

- Buildings and structures	10 - 50 years
- Machinery and equipment	05 - 20 years
- Means of transportation	09 - 15 years
- Office equipment	03 - 10 years
- Other fixed assets	10 years
- Land use rights	50 years

2.8 . Business cooperation contract

Joint venture activities in the form of Jointly Controlled Business Activities and Jointly Controlled Assets are applied by the Company to general accounting principles as with other normal business activities. In there:

- The Company separately monitors income and expenses related to joint venture activities and makes allocations to the parties in the joint venture according to the joint venture contract;
- The Company separately tracks assets contributed to joint ventures, capital contributions to jointly controlled assets, and common and separate debts arising from joint venture activities.

2.9 . Prepaid expenses

Prepaid expenses only related to present fiscal year are recognised as short-term prepaid expenses and are recorded into operating costs.

Prepaid expenses incurred during the year but related to business operations of several years are recorded as long-term prepaid expenses and are amortised to the income statement in several years.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to profit and loss account in the period should be based on nature of those expenses to select a reasonable method and allocated factors. Prepaid expenses are allocated partly into operating expenses on a straight-line basis.

2.10 . Debt payable

2.11 . Loans and financial lease liabilities

2.12 . Borrowing costs and capitalization of borrowing costs

Borrowing costs are recorded in production and business expenses in the year when incurred, except for borrowing costs directly related to construction investment or production of unfinished assets which are included in the value of the asset. That asset (is capitalized) when all the conditions specified in Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs" are met.

Borrowing costs directly related to investment in construction or production of unfinished assets that need a long enough period of time (over 12 months) to be put into use for the intended purpose or sold are included in the calculation. value of that asset (capitalized), including loan interest, allocation of discounts or premiums when issuing bonds, and additional costs incurred in connection with the procedure get a loan.

2.13 . Accrued expenses

Expenses not yet occurred may be charged in advance into production and operating costs in order to ensure when these expenses arise, they do not make material influence on production and operating costs on the basis of

2.14 . Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Other capital of owner is the fair value of assets offered to the company by other entities or individuals less payable taxes (if any) imposed on these assets; and the amount added from income statement.

Profit after tax retained is the profit of business operations after deduction (-) regulated items due to applying a change in accounting retrospectively or to make a retrospective restatement to correct materiality in previous years. The profit is available for appropriation to investors after approval by General Meeting of Shareholder and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnamese regulatory requirements.

Dividends to be paid to shareholders are recognised as a payable in Statement of financial position after declaration from the Board of Management and announcement closing date receipt dividends of Securities Depository Center of VietNam.

2.15 . Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Company's reporting currency of VND are recorded at the actual transaction exchange rates at transaction dates which are determined as follows:

- Transactions resulting in liabilities are recorded at the selling exchange rates of the commercial banks designated for payment;
- Capital contributions are recorded at the buying exchange rates of the commercial banks designated for capital contribution; and
- Payments for assets or expenses without liabilities initially being recognised is recorded at the buying exchange rates of the commercial banks that process these payments.

rates or the commercial banks that process these payments.

At the end of the year, monetary balances denominated in foreign currencies are translated at the actual exchange rates at the balance sheet dates which are determined as follows:

- Monetary assets are translated at buying exchange rate of the commercial bank where the Company conducts transactions regularly; and
- Monetary liabilities are translated at selling exchange rate of the commercial bank where the Company conducts transactions regularly.

All foreign exchange differences incurred are taken to the separate income statement.

2.16 . Revenue recognition

Sale of electricity power

Electricity revenue is determined based on the power purchase agreement signed by the Company with Vietnam Electricity ("EVN") and the related contract appendices (including payments related to water resource tax, forest environment service fees, and water resource exploitation rights fees).

Rendering of services

Where the contract outcome can be reliably measured, revenue is recognised by reference to the stage of completion. Stage of completion is measured based on the amount of services rendered and then confirmed by the client.

Where the contract outcome cannot be reliably measured, revenue is recognised only to the extent of the expenses recognised which are recoverable.

Sale of goods

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods

Interest

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

Dividends

Income is recognised when the Company's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

2.17 . Financial expenses

Items recorded into financial expenses consist of:

- Expenses or losses relating to financial investment activities;
- Expenses of capital borrowing;
- Loss due to foreign exchange differences arising from transactions relating to foreign currencies;
- Provision for devaluation of securities investment.

The above items are recorded by the total amount arising within the period without compensation to financial revenue.

2.18 . Taxation

Current tax

Current tax assets and liabilities for the current and prior periods are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted by the balance sheet date.

2.19 . Related Parties

Entities, individuals, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and affiliated companies, are related parties. Associates and individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals or affiliated parties or companies associated with these individuals are also considered related party.

In considering the relationship of related parties, one should also consider the nature, not only the legal form of the relationship.

3 CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31 March 2025	01 January 2025
	VND	VND
Cash on hand	44.573.483	27.648.137
Cash at banks	38.455.993.358	18.524.877.477
Cash equivalents	23.675.000.000	62.050.000.000
	62.175.566.841	80.602.525.614

4 SHORT- TERM FINANCIAL INVESTMENTS

a	Held-for-trading securities	31 March 2025		01 January 2025	
		Cost	Fair value	Cost	Fair value
	Shares of Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	13.694.543.500	16.121.600.000	13.694.543.500	16.247.550.000
The shares of this company are traded on the UPCOM market with a closing trading price on the last trading day in 31 March 2025 of 12.800 VND per share.					
b	Investment held until maturity	31 March 2025		01 January 2025	
		Cost	Carrying value	Cost	Carrying value
b1	Short term				
	- Term deposits (*)	-	-	-	-
b2	Long-term	31 March 2025		01 January 2025	
		Cost	Fair value	Cost	Fair value
	Investment in subsidiaries(**)	337.624.176.764	-	337.624.176.764	-
	Muong Hum Hydropower Joint Stock Company	337.624.176.764	-	337.624.176.764	-
	Investment in associate(***)	98.953.584.434	-	99.880.778.805	-
	Thac Ba 2 Hydropower Investment Joint Stock Company	103.861.380.000	-	103.861.380.000	-
	Financial investment provisions	(4.907.795.566)	-	(3.980.601.195)	-
	Investment in other entities (****)	60.510.300.000	14.080.000.000	60.510.300.000	14.190.000.000
	Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	11.960.300.000	14.080.000.000	11.960.300.000	14.190.000.000
	Thai An Hydropower Joint Stock Company	48.550.000.000	-	48.550.000.000	-
	Total	497.088.061.198	14.080.000.000	498.015.255.569	14.190.000.000

(**) As at 31 March 2025

- The Company holds 50.94% of the voting rights, corresponding to 25,889,270 shares of Muong Hum Hydropower Joint Stock Company. The Company is unable to determine the fair value of this investment as the shares of this company are not listed on the stock market.

(***) As at 31 March 2025

- The Company holds 49% of the voting rights, corresponding to 10,386,138 shares of Thac Ba 2 Hydropower Investment Joint Stock Company. The Company is unable to determine the fair value of this investment as the shares of this company are not listed on the stock market.

(****) As at 31 March 2025

- The Company holds 1,100,000 shares in Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company for long-term investment purposes. The shares of this company are traded on the UPCOM market with a closing trading price on the last trading day in March 2025 of 12.800 VND per share (December 2024: 12.900 VND per share).

- The Company holds 5% of the voting rights, corresponding to 200,000 shares of Thai An Hydropower Joint Stock Company. The Company is unable to determine the fair value of this investment as the shares of this company are not listed on the stock market.

5 OTHER SHORT- TERM RECEIVABLES

a Short term	31 March 2025		01 January 2025	
	Cost	Preventive	Cost	Preventive
Receivables from dividends and profit	17.018.090.100		17.018.090.100	
Receivables from deposit interest	101.445.753	-	101.916.164	-
Receivables from employees	241.277.452	-	153.732.413	-
Deposit	10.000.000	-	510.000.000	-
Others	821.186.859	-	960.798.182	-
	<u>18.192.000.164</u>		<u>18.744.536.859</u>	
b Long term				

6 . INVENTORIES

	31 March 2025		01 January 2025	
	Cost	Preventive	Cost	Preventive
Goods in transit		-		-
Raw material	6.235.806.776		4.693.646.390	
Tools, supplies	463.149.773		446.507.608	
Work in process	1.446.984.684		200.324.770	
	<u>8.145.941.233</u>		<u>5.340.478.768</u>	

7 . TAX AND RECEIVABLES FROM STATE BUDGET

	31 March 2025	01 January 2025
	VND	VND
Personal income tax	840.480.267	-
Value added tax	-	-
Natural resource tax	-	-
Business income	-	-
Other taxes	-	-
	<u>840.480.267</u>	<u>-</u>

8 . TANGIBLE FIXED ASSETS

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Residential Group 1, Thac Ba Town, Yen Binh District, Yen Bai

Province

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements
Quarter 1 of 2025

8 . TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings	Machinery, equipment	Transportation equipment	Management equipment	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Original cost						
01 January 2025	658.503.404.896	815.252.859.136	20.875.043.802	8.494.988.180	117.454.545	1.503.243.730.559
Purchase	-	-	-	-	-	-
Finished construction investment	-	109.536.550.302	-	-	-	109.536.550.302
Others	-	-	-	-	-	-
Transferring into investment properties	-	-	-	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-	-	-	-
Others	-	-	-	-	-	-
31 March 2025	658.503.404.896	924.789.409.438	20.875.043.802	8.494.988.180	117.454.545	1.612.780.300.861
Accumulated depreciation						
01 January 2025	597.472.676.451	750.805.623.715	16.845.285.205	5.561.909.085	111.879.844	1.370.797.374.300
Depreciation	5.089.788.423	4.588.423.176	208.749.288	97.985.940	1.305.468	9.986.252.295
Others	6.994.164	-	-	-	-	6.994.164
Transferring into investment properties	-	-	-	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-	-	-	-
Others	-	-	-	-	-	-
31 March 2025	602.569.459.038	755.394.046.891	17.054.034.493	5.659.895.025	113.185.312	1.380.790.620.759
Net carrying amount						
01 January 2025	61.030.728.445	64.447.235.421	4.029.758.597	2.933.079.095	5.574.701	132.446.376.259
31 March 2025	55.933.945.858	169.395.362.547	3.821.009.309	2.835.093.155	4.269.233	231.989.680.102

14
CO
CO
HU
TH
EN BI

9 . INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights VND	Other intangible fixed assets VND	Total VND
Cost			
As at 01 January 2024	20.558.322.400	1.852.840.240	22.411.162.640
Purchase	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-
Others	-	-	-
As at 31 December 2024	20.558.322.400	1.852.840.240	22.411.162.640
Accumulated depreciation			
As at 01 January 2024	5.982.954.190	1.327.811.088	7.310.765.278
Depreciation	102.788.304	72.067.014	174.855.318
Others	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-
Others	-	-	-
As at 31 December 2024	6.085.742.494	1.399.878.102	7.485.620.596
Net carrying amount			
As at 01 January 2024	14.575.368.210	525.029.152	15.100.397.362
As at 31 December 2024	14.472.579.906	452.962.138	14.925.542.044

10 . CONSTRUCTION IN PROGRESS

Details of ending balance are as follows:

	31 March 2025 VND	01 January 2025 VND
The generating set upgrade project – Thac Ba hydroelectric power plant	94.918.409.963	189.822.509.025
The electrical equipment upgrade project – Thac Ba hydroelectric power plant.	240.741.741	240.741.741
The lifting equipment investment project – Thac Ba hydroelectric power plant.	-	-
The 220VDC battery system replacement project – Thac Ba hydroelectric power plant.	-	-
The 110 kV line protection relay system renew project – Thac Ba hydroelectric power plant.	3.081.638.000	3.081.638.000
The high pressure air compressor N1, N2 renew project – Thac Ba hydroelectric power plant.	2.691.000.000	2.691.000.000
The low pressure air compressor N3, N4 renew project – Thac Ba hydroelectric power plant.	-	-
	100.931.789.704	195.835.888.766

11 . TAX AND STATUTORY OBLIGATIONS

	01 January 2025 VND	Receivable for the year VND	Payment received in the year VND	31 March 2025 VND
Value added tax	-	1.308.571.441	-	1.308.571.441
Business income tax	2.608.434.272	5.656.449.050	3.208.434.272	5.056.449.050
Water resources exploitation rights fee	415.860.769	5.234.098.231	5.649.959.000	-
Natural resource tax	1.695.103.949	8.398.761.800	8.228.102.883	1.865.762.866
Personal income tax	677.697.719	806.582.464	1.484.280.183	-
Other taxes	-	4.000.000	4.000.000	-
	5.397.096.709	21.408.462.986	18.574.776.338	8.230.783.357

12 . ACCRUED EXPENSES

a Short term

Other payable expenses

31 March 2025

01 January 2025

VND

VND

343.503.906

536.003.907

343.503.906

536.003.907

b Long term

13 . OTHER SHORT-TERM PAYABLES

a Short term

Dividend for shareholders payables

Forest protection fee

Others

31 March 2025

01 January 2025

VND

VND

31.967.100.749

31.962.050.749

2.875.309.200

3.645.300.888

10.894.795.987

389.943.017

45.737.205.936

35.997.294.654

14 LOANS

As at 31 December 2024

Derived expenses

As at March 2025

Value

Increase

Decrease

Value

Long-term
loans

VND

VND

VND

VND

Long-term loan
due to be repaid

420.833.333

420.833.333

841.666.666

Long-term bank
loans

#####

-

420.833.333

9.258.333.334

Details of long-term bank loans are presented as follows:

Bank

As at March 2025

Principal and interest
repayment term

Interest rate

Description of collateral

Shinhanbank

SHBVN/CM
C/032023/H
DTD/THAC
BA-MAC

10.100.000.000

The Principal and
interest are paid
quarterly, the final loan
matures on 6
September 2031

6,18%

Certificate of land use
rights and
machinery, equipment
formed from the project

Total

10.100.000.000

15 . OWNER'S EQUITY

a) Increase and decrease in owner's equity

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Residential Group 1, Thac Ba Town, Yen Binh District, Yen Bai Province
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2025

15 . OWNER'S EQUITY
a) Increase and decrease in owner's equity

	Share capital	Other owner's equity	Investment and development funds	Financial reserve fund	Undistributed earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01 January 2025	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	104.959.809.242	1.042.017.424.193
01 January 2025	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	104.959.809.242	1.042.017.424.193
Increase in capital	-	-	-	-	-	-
Profit/loss of the year	-	-	-	-	-	-
Profit increased during the period	-	-	-	-	22.625.796.201	22.625.796.201
Buy treasury shares	-	-	-	-	-	-
Other increase	-	-	-	-	-	-
Decrease in capital	-	-	-	-	(4.600.000.000)	(4.600.000.000)
Appropriation to funds	-	-	-	-	(31.750.000.000)	(31.750.000.000)
Dividends	-	-	-	-	-	-
Use of funds	-	-	-	-	-	-
Other adjustments (*)	-	-	-	-	-	-
31 March 2025	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	91.235.605.443	1.028.293.220.394

16 TOTAL REVENUE FROM SALE OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	Quarter 1 of 2025	Accumulated until 31 March 2025
	VND	VND
Electricity revenue	60.243.112.413	60.243.112.413
Rendering of services	3.758.974.622	3.758.974.622
	<u>64.002.087.035</u>	<u>64.002.087.035</u>

17 COSTS OF GOODS SOLD

	Quarter 1 of 2025	Accumulated until 31 March 2025
	VND	VND
Costs of finished goods	28.653.954.087	28.653.954.087
Costs of services rendered	1.002.352.702	1.002.352.702
	<u>29.656.306.789</u>	<u>29.656.306.789</u>

18 FINANCIAL INCOME

	Quarter 1 of 2025	Accumulated until 31 March 2025
	VND	VND
Interest income, interest from loans	1.839.471.019	1.839.471.019
Dividends, profits earned	-	-
Others	410.630.697	410.630.697
	<u>2.250.101.716</u>	<u>2.250.101.716</u>

19 FINANCIAL EXPENSES

	Quarter 1 of 2025	Accumulated until 31 March 2025
	VND	VND
Interest expenses	-	-
Payment discount, interest from installment sales	-	-
Loss from disposal of short-term and long-term investments	-	-
Other financial costs	1.252.895	1.252.895
Loss from sale of foreign currencies	-	-
Unrealized loss from foreign exchange difference	-	-
Provisions/reversal of provision for devaluation of investment	927.194.371	927.194.371
	<u>928.447.266</u>	<u>928.447.266</u>

20 . OTHER INCOME

	Quarter 1 of 2025	Accumulated until 31 March 2025
	VND	VND
- Liquidating, disposed	-	-
- Others	176.251.600	176.251.600
	<u>176.251.600</u>	<u>176.251.600</u>

21 . OTHER EXPENSE

	Quarter 1 of 2025	Accumulated until 31 March 2025
	VND	VND
- Net carrying amount	-	-
- Others	615.000.984	615.000.984
	<u>615.000.984</u>	<u>615.000.984</u>

22 . PRODUCTION AND OPERATING COSTS

	Quarter 1 of 2025	Accumulated until 31 March 2025
	VND	VND
Raw materials	312.145.319	312.145.319
Labour costs	8.131.754.377	8.131.754.377
Depreciation and amortization costs	10.161.107.613	10.161.107.613
Expenses for external services	2.548.418.411	2.548.418.411
Other expenses	16.695.981.044	16.695.981.044
	37.849.406.764	37.849.406.764

23 . GENERAL ADMINISTRATIVE EXPENSES

	Quarter 1 of 2025	Accumulated until 31 March 2025
	VND	VND
Raw materials	153.309.927	153.309.927
Labour costs	3.410.414.518	3.410.414.518
Fixed asset depreciation expense	268.201.353	268.201.353
Expenses for external services	1.203.579.144	1.203.579.144
Others	1.910.935.119	1.910.935.119
	6.946.440.061	6.946.440.061

24 . CORPORATE INCOME TAX

	Quarter 1 of 2025	Accumulated until 31 March 2025
	VND	VND
- Current tax expense	5.656.449.050	5.656.449.050
- Total	5.656.449.050	5.656.449.050

25 . SEGMENT REPORTING

Due to the Company's specific characteristics, electricity production and business activities account for over 94% of total revenue from sales and service provision and all production and business activities of the Company take place in the territory of Vietnam. Therefore, the Company does not prepare and present segment reports according to business fields and geographical areas.

26 . TRANSACTION AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

Significant transactions between the Company and its related parties in the current year and previous year include:

Related parties	Transactions	Relationship	Quarter 1 of 2025	Quarter 1 of 2024
The Electric Power Trading Company - Vietnam Electricity	Electricity sale	Parent company of the major shareholder	60.243.112.413	68.774.946.279
	Dividend declared		-	-
R.E.E Energy Company Limited	Dividend paid	Parent company	19.182.584.000	38.365.168.000
	Dividend declared		-	-
Power Generation Joint Stock Corporation 3	Dividend paid	Major shareholder	9.525.000.000	19.050.000.000
	Lending recovery		5.603.125.000	5.603.125.000
	Interest from lending	Subsidiary	1.059.527.912	1.462.492.380
Muong Hum Hydropower Joint Stock Company	Others		45.000.000	45.000.000
	Revenue from rendering services		-	-
	Dividend declared		-	-
	Dividend paid		-	-
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Revenue from rendering services	Associate	3.359.345.455	54.545.455
	Others		60.000.000	60.000.000
	Revenue from Capital		410.630.697	19.208.490.000
Indochina	Revenue from	Affiliate	-	-

Amounts due to and due from related parties at the separate balance sheet dates were as follows:

	Relationship	31 March 2025	01 January 2025
		VND	VND
Trade receivables		80.923.443.284	66.080.163.702
The Electric Power Trading Company - Vietnam Electricity	Parent company of the major shareholder	69.751.311.225	66.080.163.702
Indochina Electrical Development Joint Stock Company	Affiliate	-	-
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	11.172.132.059	15.479.964.779
Other receivables		16.849.916.894	16.357.521.414
Muong Hum Hydropower Joint Stock Company	Subsidiary	16.398.223.127	16.357.521.414

Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	451.693.767	380.997.639
Other payables			
R.E.E Energy Company Limited	Parent company	-	19.182.584.000
Power Generation Joint Stock Corporation 3	Major shareholder	-	9.525.000.000
Short-term advance to suppliers			
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	283.090.950	283.090.950
	<u>Relationship</u>	<u>31 March 2025</u>	<u>01 January 2025</u>
		VND	VND
Loan receivables		86.031.250.000	71.634.375.000
Muong Hum Hydropower Joint Stock Company	Subsidiary	56.031.250.000	61.634.375.000
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	30.000.000.000	10.000.000.000
<i>In there:</i>		-	-
- Long-term loans are due		22.412.500.000	22.412.500.000
- Long-term loans		63.618.750.000	49.221.875.000

27 . OTHER INFORMATION

Explanation of profit after tax fluctuations in Quarter 1/2025 with Quarter 1/2024

Profit after corporate income tax in the first quarter of 2025 reached 22.625.796.201 VND

Profit after corporate income tax in the first quarter of 2024 reached 31.922.574.688 VND

Profit after tax in the first quarter of 2025 compared to the first quarter of 2024 decreased by VND 9.296.778.487 (down 29%) due to the following reasons:

- Total revenue in the first quarter of 2025 compared to the same period in 2024 decreased by VND 7.548.271.970 (down 10%) due to:

(i) Electricity revenue decreases by VND 2.775.201.978 (down 4%) compared to the same period in 2024. The reason is that the average electricity price in the first quarter of 2025 (VND 754/kWh) decreased by VND 184,4/kWh compared to the first quarter of 2024 (VND 939/kWh).

(ii) Revenue from service activities decreased by 3.023.476.994 (down 45%) compared to the same period in 2024 due to the value of technical service contracts accepted in Quarter 1/2025 being smaller than the same period in 2024.

(iii) Financial activities revenue decreased by VND 1.739.512.998 (down 44%) compared to the same period in 2024 because in the first quarter of 2025, there was no revenue from dividends compared to the same period in 2024. In the first quarter of 2024, revenue from dividends was VND 1,95 billion (TAH 1,5% of charter capital + HND 5,52%); interest on deposits and loans in the first quarter of 2025 decreased by VND 0.19 billion compared to the same period in 2024 due to a decrease in principal balance and deposit balance; in the first quarter of 2025, revenue from Guarantee Fees was VND 0.41 billion compared to the same period in 2024.

(iv) Other revenue in the first quarter of 2025 decreased by VND 10.080.000 (down 5%) compared to the same period in 2024.

- Total costs in the first quarter of 2025 compared to the same period in 2024 increased by VND 3.583.701.139 (up 10%) compared to the same period in 2024 mainly due to increased in costs of Natural Resources Tax and Forest protection fee in the first Quarter of 2025 compared to the same period in 2024 (because output in the first quarter of 2025 increased by 6,6 million kWh compared to the same period in 2024).

- Corporate income tax in the first quarter of 2025 compared to the same period in 2024 decreased by VND 1.835.194.622. The corporate income tax policy applied to the company in the first quarter of 2025 remained unchanged compared to the same period last year. The decrease in corporate income tax in the first quarter of 2025 is due to the decrease in taxable income according to regulations in the first quarter of 2025 compared to the same period in 2024.



Nguyen Trung Hieu
Preparer



Le Hong Minh
Chief Accountant



Nguyen Van Quyen
General Director

Yen Bai, 29 April 2025

